

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6781/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Kế hoạch xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường
trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 3176/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về kiện toàn và đổi tên Ban Chỉ đạo xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường, không phù hợp quy hoạch và có nguy cơ cháy, nổ xen cài trong khu dân cư trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 3178/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường, không phù hợp quy hoạch và có nguy cơ cháy, nổ xen cài trong khu dân cư trên địa bàn thành phố;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 9881/TNMT-CCBVMT ngày 08 tháng 12 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này “Kế hoạch xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Chỉ đạo, Tổ Chuyên viên giúp việc Ban chỉ đạo xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Thủ trưởng các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Tất Thành Cang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Về xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 6781/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12
năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

Trong thời gian qua, Thành ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện nhiều giải pháp chỉ đạo, định hướng phát triển kinh tế thành phố gắn với công tác bảo vệ môi trường như điều chỉnh, nâng cao chất lượng quy hoạch tổng thể, quy hoạch ngành gắn với chiến lược, chương trình, kế hoạch bảo vệ môi trường; triển khai nhiều công trình, dự án thoát nước, xử lý chất thải,... trong đó Chương trình đầu tiên có tác động lớn đến các doanh nghiệp gây nhiễm môi trường là Chương trình di dời cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường (1.402 cơ sở) vào khu công nghiệp và vùng phụ cận giai đoạn 2002 – 2006 theo Nghị quyết số 22/2002/NQ-HĐ ngày 29 tháng 6 năm 2002 của Hội đồng nhân dân thành phố và Quyết định số 80/2001/QĐ-UB ngày 08 tháng 7 năm 2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố. Chương trình đã đạt được kết quả nhất định, cụ thể đã di dời 50% đơn vị, 36,8% đơn vị ngưng sản xuất, 10% đơn vị chuyển đổi ngành nghề, 2,8% đơn vị khác phục tại chỗ, 04% gia hạn, lùi thời gian di dời. Chính việc quyết liệt tập trung triển khai các chương trình trên, tình hình môi trường thành phố được cải thiện rõ rệt về chất lượng nguồn nước mặt; ô nhiễm không khí do sản xuất giảm đáng kể; các khiếu kiện, khiếu nại của người dân đối với ô nhiễm môi trường do sản xuất công nghiệp cũng đã giảm rất nhiều.

Tuy nhiên, hiện nay trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đã và đang xuất hiện một số khu vực nóng về ô nhiễm môi trường do tốc độ đô thị hóa, cơ sở sản xuất chưa quan tâm đúng mức đến công tác bảo vệ môi trường, việc xử lý chất thải chưa được đầu tư thỏa đáng, đặc biệt là cơ sở sản xuất cũ có công nghệ thiết bị lạc hậu nằm xen cài trong khu dân cư, gây tác động xấu về môi trường đến cộng đồng dân cư, làm khó khăn trong công tác kiểm soát ô nhiễm đồng thời ảnh hưởng quy hoạch phát triển kinh tế xã hội.

Do vậy, việc xây dựng “Kế hoạch xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh” là vấn đề rất cần thiết và quan trọng nhằm khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường trên địa bàn Thành phố.

II. MỤC ĐÍCH:

- Xây dựng môi trường sống xanh, sạch; hướng đến mục tiêu xây dựng thành phố Hồ Chí Minh có chất lượng sống tốt, văn minh, hiện đại, nghĩa tình. Di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường xen cài trong khu dân cư, các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn Thành phố vào các khu công nghiệp/cụm công nghiệp đã đầu tư hạ tầng hoàn chỉnh. Đến năm 2020, không có cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trong khu dân cư.

- Khuyến khích đầu tư, tạo điều kiện cho cơ sở sản xuất, kinh doanh đổi mới công nghệ, thiết bị, thay đổi ngành nghề, nâng cao chất lượng sản xuất và phát triển ổn định.

III. YÊU CẦU:

- Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo thường xuyên, liên tục việc triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Thường trực Ban chỉ đạo di dời chịu trách nhiệm phân công các Sở ban ngành, Ủy ban nhân dân các quận/huyện nghiêm túc thực hiện nội dung kế hoạch. Thực hiện nghiêm chế độ kiểm tra, rà soát định kỳ hàng quý.

- Ban Quản lý các Khu chế xuất – công nghiệp chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất hạ tầng khu công nghiệp bố trí cho các đối tượng di dời, đảm bảo xử lý ô nhiễm sau khi di dời.

IV. NỘI DUNG THỰC HIỆN

4.1. Cơ sở pháp lý:

- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 23 tháng 6 năm 2014 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015;

- Luật xử phạt vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 20 tháng 6 năm 2012;

- Bộ Luật hình sự số 15/1999/QH10 và Luật số 37/2009/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự. Bộ Luật hình sự năm 2015 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

- Nghị định số 19/2015/NĐ ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Nghị định số 179/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 04/2012/TT-BTNMT ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định tiêu chí xác định cơ sở gây ô nhiễm môi trường, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng;
- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ X nhiệm kỳ 2015-2020 về thực hiện 7 chương trình đột phá, trong đó có Chương trình giảm ô nhiễm môi trường;
- Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định một số hỗ trợ về tài chính phục vụ di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị;
- Thông tư số 81/2011/TT-BTC ngày 09 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số quy định của Quy chế tài chính phục vụ di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị;
- Quyết định số 33/2011/QĐ-UBND ngày 28 tháng 05 năm 2011 và Quyết định 38/2013/QĐ-UBND ngày 23 tháng 09 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định những hỗ trợ dành cho các dự án đầu tư thuộc Chương trình kích cầu;
- Quyết định số 06/QĐ-QBVMТ ngày 24 tháng 02 năm 2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường quy định một số hỗ trợ tài chính của Quỹ Bảo vệ môi trường thành phố Hồ Chí Minh.
- Quyết định số 2755/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc lập Ban chỉ đạo xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường và cơ sở không phù hợp quy hoạch;
- Quyết định số 5540/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về kiện toàn Ban chỉ đạo xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường và cơ sở không phù hợp quy hoạch và có nguy cơ cháy, nổ xen cài trong khu dân cư trên địa bàn thành phố;
- Quyết định số 3177/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thành lập Tổ chuyên viên giúp việc Ban chỉ đạo xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường và cơ sở không phù hợp quy hoạch và có nguy cơ cháy, nổ xen cài trong khu dân cư trên địa bàn thành phố;
- Quyết định số 3178/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo xử lý cơ sở gây ô

nhiễm môi trường và cơ sở không phù hợp quy hoạch và có nguy cơ cháy, nổ xen cài trong khu dân cư trên địa bàn thành phố.

4.2. Lộ trình thực hiện:

4.2.1. Giai đoạn I (2015 - 2016):

- Xây dựng kế hoạch, lộ trình, phương án xử lý đối với cơ sở gây ô nhiễm môi trường.

- Xác định đối tượng cơ sở gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nghiêm trọng.

- Hướng dẫn lập danh mục cơ sở gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và hình thức xử lý.

- Trình ban hành danh mục cơ sở gây ô nhiễm môi trường, cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

4.2.2. Giai đoạn II (2016 - 2017):

- Trên cơ sở danh mục được ban hành, thực hiện các hình thức xử lý đối với cơ sở gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

- Phối hợp các sở, ngành, Ủy ban nhân dân quận/huyện, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quyết định di dời, phê duyệt các chính sách tài chính, hỗ trợ, ưu đãi đối với các cơ sở di dời.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát tiến độ di dời, vận động, tuyên truyền các cơ sở di dời chấp hành đúng chủ trương chung của thành phố.

4.2.3. Sau năm 2017:

Tiếp tục cập nhật và thực hiện xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, buộc di dời.

4.3. Xác định đối tượng và hình thức xử lý:

4.3.1 Đối tượng:

Cơ sở gây ô nhiễm môi trường và cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng bị xử lý theo Nghị định số 179/2013/NĐ-CP về xử phạt vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

4.3.2. Xác định đối tượng:

Căn cứ các tiêu chí quy định tại điều 4,5,6,7,8,9 Thông tư 04/2012/TT-BTNMT ngày 08 tháng 05 năm 2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, xác định cơ sở gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

4.3.3. Hình thức xử lý:

4.3.3.1. Cơ sở gây ô nhiễm môi trường:

- Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, yêu cầu cơ sở đầu tư cải tạo các công trình xử lý môi trường đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Trong trường hợp cơ sở tái phạm thì áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung, đình chỉ hoạt động gây ô nhiễm môi trường từ 03 - 12 tháng và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

4.3.3.2. Cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng:

Bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, đồng thời bị áp dụng một trong các hình thức sau:

a. Cải tạo, nâng cấp hoặc xây dựng mới hệ thống xử lý chất thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

b. Buộc di dời cơ sở đến vị trí phù hợp với quy hoạch và sức chịu tải của môi trường.

- Cơ sở bị áp dụng hình thức buộc di dời là cơ sở có ngành nghề, phạm vi gây ô nhiễm rộng, nguy cơ tác động môi trường cao, khó khắc phục ô nhiễm (nhuộm, xeo giấy, sản xuất và kinh doanh hóa chất, in, tráng bao bì kim loại, thuộc da, xi mạ điện, sản xuất xi măng, giết mổ gia súc - gia cầm, kho tàng có chất dễ cháy, dễ gây nổ, có chất phóng xạ mạnh/bức xạ mạnh, có chất độc hại đối với sức khỏe con người và gia súc gia cầm, phát tán mùi ảnh hưởng xấu tới sức khỏe con người; Về vị trí: gần khu dân cư, bệnh viện, trường học..., không phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của thành phố, quận, huyện.

c. Cấm hoạt động.

- Cơ sở đã bị đình chỉ hoạt động gây ô nhiễm môi trường mà trong thời hạn từ 03 năm kể từ ngày có quyết định đã khắc phục xong hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra, nhưng tiếp tục tái phạm (gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng).

Việc lập danh mục cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng phải nêu rõ hình thức xử lý, biện pháp giảm thiểu và thời gian thực hiện. Trong thời gian thực hiện biện pháp xử lý, cơ sở phải áp dụng các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm phù hợp.

4.3.3.3. Đối với tội phạm gây ô nhiễm môi trường theo quy định của Bộ Luật hình sự, được xử lý theo trình tự Bộ Luật hình sự và Bộ Luật tố tụng hình sự.

4.4. Quy trình thực hiện:

4.4.1. Rà soát, phát hiện cơ sở gây ô nhiễm môi trường:

Bước 1: Các cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra, xác định cơ sở gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo tiêu chí tại Mục 4.3, áp dụng các biện pháp xử lý tại Mục 4.3.3. Thông báo kết luận thanh tra, kiểm tra.

Bước 2: Sau 05 ngày, kể từ ngày ban hành thông báo kết luận thanh tra, kiểm tra, cơ quan thanh tra, kiểm tra lập danh mục cơ sở gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm

môi trường nghiêm trọng(gọi chung là danh mục) theo Phụ lục 1, Phụ lục 2.1, 2.2, tổng hợp kết quả thanh tra, kiểm tra hồ sơ có liên quan gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường.

Bước 3: Sau 30 ngày, kể từ ngày nhận được danh mục và kết quả thanh tra, kiểm tra, Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

Đối với cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý các Bộ ngành có liên quan, Sở Tài nguyên và Môi trường tham khảo ý kiến trước khi đưa vào danh mục.

Bước 4: Sau 20 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo danh mục và các hồ sơ liên quan đến Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Bước 5: Sau 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo của Ủy ban nhân dân thành phố, dựa trên kết quả thanh tra, trung cầu giám định, Bộ Tài nguyên và Môi trường rà soát, tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ hoặc phê duyệt danh mục các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo ủy quyền.

4.4.2. Trình tự thẩm định và ban hành quyết định di dời:

Bước 1: Sau khi danh mục cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được ban hành, Ủy ban nhân dân thành phố giao Thường trực Ban chỉ đạo chủ trì, triển khai thông báo đến Ủy ban nhân dân quận, huyện khảo sát thông tin doanh nghiệp buộc di dời.

Bước 2: Ủy ban nhân dân quận, huyện tổ chức khảo sát thông tin của doanh nghiệp di dời (theo Phụ lục 3, Phụ lục 4) thu thập thông tin phục vụ công tác di dời, hướng dẫn doanh nghiệp lập phương án di dời.

Việc tổ chức, khảo sát, tổng hợp hồ sơ di dời của doanh nghiệp gửi Thường trực Ban chỉ đạo trong vòng 30 ngày.

Bước 3: Kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ của Ủy ban nhân dân quận, huyện, trong vòng 15 ngày Thường trực Ban chỉ đạo gửi hồ sơ cho các thành viên Ban chỉ đạo xem xét, góp ý trước khi họp thẩm định phương án di dời.

Bước 4: Thường trực Ban chỉ đạo tổ chức họp thẩm định, giao các Sở, ngành có liên quan theo chức năng nhiệm vụ, xem xét, thẩm định phương án di dời, phương án tài chính, chính sách ưu đãi, hỗ trợ di dời;

Trường hợp cần thiết bổ sung cơ sở pháp lý có liên quan, các Sở ngành làm việc trực tiếp với Ủy ban nhân dân quận/huyện và doanh nghiệp để hoàn thiện hồ sơ thẩm định di dời.

Bước 5: Kể từ ngày nhận đầy đủ ý kiến thẩm định các Sở ngành, thường trực Ban chỉ đạo tổng hợp ý kiến trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, ban hành quyết định di dời và quyết định các chính sách ưu đãi, hỗ trợ di dời đối với từng cơ sở, thời gian thực hiện trong vòng 20 ngày.

4.4.3. Công tác kiểm tra, giám sát tiến độ di dời:

Bước 1: Ủy ban nhân dân thành phố giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Công an thành phố, Ủy ban nhân dân các quận/huyện nơi có cơ sở di dời và các cơ quan có liên quan tổ chức giám sát việc thực hiện di dời.

Bước 2: Ủy ban nhân dân quận/huyện nơi có cơ sở thực hiện di dời tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, đề xuất của doanh nghiệp gửi thường trực Ban chỉ đạo, định kỳ 06 tháng báo cáo tiến độ di dời cho thường trực Ban chỉ đạo tổng hợp, báo cáo.

Bước 3: Thường trực Ban chỉ đạo định kỳ tổng hợp, báo cáo tiến độ di dời, tổng hợp kiến nghị của doanh nghiệp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố tháo gỡ, giải quyết những khó khăn vướng mắc.

4.4.4. Tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế:

Bước 1: Ủy ban nhân dân quận/huyện rà soát, cơ sở chưa hoàn thành đúng tiến độ di dời báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường.

Bước 2: Trong 15 ngày cơ sở chưa hoàn thành việc di dời, Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ra quyết định cưỡng chế, buộc di dời.

Bước 3: Ủy ban nhân dân thành phố gửi quyết định cưỡng chế buộc di dời đối với cơ sở không thực hiện di dời theo đúng tiến độ trong vòng 05 ngày trước khi thực hiện cưỡng chế.

Bước 4: Trong vòng 15 ngày, Ủy ban nhân dân thành phố ra quyết định áp dụng hình thức đình chỉ hoạt động và biện pháp cưỡng chế buộc di dời.

Bước 5: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Công an thành phố, Ủy ban nhân dân quận/huyện nơi có cơ sở di dời và các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện quyết định đình chỉ hoạt động, cưỡng chế buộc di dời.

- Ủy ban nhân dân quận, huyện nơi có cơ sở bị đình chỉ hoạt động, cưỡng chế buộc di dời có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan liên quan phối hợp thực hiện;

- Lực lượng cảnh sát nhân dân có trách nhiệm bảo đảm trật tự, an toàn trong quá trình cưỡng chế, ngăn chặn kịp thời các hành vi gây rối, chống người thi hành công vụ trong quá trình thực hiện cưỡng chế.

V. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN:

5.1. Sở Tài nguyên và Môi trường - Thường trực Ban chỉ đạo:

- Là cơ quan chịu trách nhiệm chính về triển khai di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn Thành phố;

- Tổng hợp, theo dõi việc thực hiện di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn Thành phố; chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân quận/huyện thu thập thông tin và trình Ủy ban nhân dân thành phố danh sách các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng phải di dời;

- Tổng hợp phương án xử lý, kế hoạch, lộ trình triển khai di dời đối với các cơ sở, phương án xử lý đối với đất, tài sản gắn liền với đất tại vị trí cũ của từng đối tượng phải di dời do Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân các quận/huyện cung cấp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt;

- Chủ trì, phối hợp với các Sở ngành có liên quan kiểm tra, thẩm định các phương án di dời trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt, ban hành quyết định di dời, quyết định chính sách ưu đãi và chính sách hỗ trợ di dời đối với cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng phải di dời;

- Xây dựng đơn giá tiền sử dụng đất, đơn giá thuê đất theo quy định khi chủ đầu tư thực hiện dự án tại địa điểm di dời và nơi di chuyển đến; phối hợp với các sở, ban, ngành tham mưu đề xuất chính sách tài chính về đất đai phục vụ công tác di dời; hướng dẫn các trình tự thủ tục kê khai hiện trạng sử dụng đất theo quy định;

- Hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có vốn nhà nước phải di dời thuê tư vấn xác định giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất, giá đất tính thu tiền sử dụng đất hoặc giá thuê đất trả một lần cho cả thời gian thuê tại vị trí cũ theo giá thị trường tại thời điểm thẩm định giá, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt;

- Có ý kiến chuyên môn nghiệp vụ theo chức năng nhiệm vụ.

5.2. Công an Thành phố - Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường:

- Kiểm tra, phát hiện xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, lập danh mục gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp. Riêng đối với trường hợp tội phạm gây ô nhiễm môi trường, Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường có trách nhiệm xử lý các cơ sở này theo trình tự Bộ Luật hình sự.

- Phối hợp với các sở, ngành và có ý kiến chuyên môn nghiệp vụ theo chức năng nhiệm vụ.

5.3. Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp:

- Chủ trì rà soát, thống kê, tổng hợp số liệu quỹ đất, diện tích đất còn trống, những thông tin liên quan tại các khu công nghiệp và thực hiện công bố, cung cấp đầy đủ thông tin cho các đối tượng di dời;

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn các thủ tục đến việc tiếp nhận di dời của các cơ sở gây ô nhiễm môi trường vào khu công nghiệp;

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị hạ tầng khu công nghiệp chuẩn bị đầy đủ quỹ đất và hạ tầng bố trí cho các đối tượng di dời; thực hiện hoặc kêu gọi đầu tư dịch vụ xử lý môi trường, đảm bảo xử lý ô nhiễm sau khi di dời.

- Có ý kiến chuyên môn nghiệp vụ theo chức năng nhiệm vụ.

5.4. Ủy ban nhân dân quận, huyện:

- Khảo sát, thu thập thông tin các cơ sở di dời.

- Triển khai vận động, hướng dẫn, theo dõi và báo cáo Thường trực Ban Chỉ đạo về quá trình di dời của các đối tượng di dời trên địa bàn quản lý; thực hiện công tác giám sát việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của các đối tượng di dời trong thời gian chưa tiến hành di dời; đôn đốc, nhắc nhở, có biện pháp hành chính yêu cầu các cơ sở trong danh sách di dời đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt thực hiện di dời theo đúng kế hoạch đề ra;

- Phối hợp với sở, ban, ngành liên quan rà soát, thống kê, tổng hợp số liệu quỹ đất, diện tích đất còn trống, thông tin liên quan tại các cụm công nghiệp đã có đơn vị kinh doanh cơ sở hạ tầng và thực hiện công bố, cung cấp đầy đủ thông tin cho các đối tượng di dời;

- Ủy ban nhân dân quận/huyện có trách nhiệm đăng tải thông tin về các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đang hoạt động trên địa bàn phải thực hiện các biện pháp xử lý ô nhiễm trên trang điện tử (hoặc niêm yết tại trụ sở) cho đến khi được chứng nhận đã hoàn thành biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

- Tăng cường công tác quản lý các cơ sở mới gây ô nhiễm và định kỳ báo cáo tình hình thực hiện công tác di dời trên địa bàn về Ban Chỉ đạo di dời để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

- Tuyên truyền, vận động cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng phải di dời chấp hành chủ trương của Thành phố.

5.5. Sở Tài chính:

- Thực hiện theo Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế tài chính phục vụ di dời các cơ sở

gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị và Thông tư số 81/2001/TT-BTC ngày 09 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tài Chính ban hành kèm theo Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2010:

+ Xác định các khoản chi phí liên quan đến việc bán nhà đất, chuyển mục đích sử dụng theo đề nghị của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có vốn nhà nước phải di dời; đồng thời, thực hiện chi trả các khoản chi phí cho các đối tượng liên quan đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có vốn nhà nước phải di dời, kể cả chi phí hỗ trợ di dời các hộ dân đang ở vị trí cũ (nếu có) theo phương án đã được Ủy ban nhân dân quận, huyện phê duyệt;

+ Phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan thẩm định và trình Ủy ban nhân dân hành phố phê duyệt các hỗ trợ liên quan chương trình;

+ Có văn bản đề nghị chủ tài khoản chuyển tiền chi trả các khoản chi phí cho các đối tượng liên quan đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có vốn nhà nước phải di dời thuộc Trung ương quản lý;

Có ý kiến chuyên môn nghiệp vụ theo chức năng nhiệm vụ.

5.6. Sở Công Thương:

- Phối hợp với Sở Quy hoạch - Kiến trúc xây dựng kế hoạch phát triển, thu hút đầu tư vào các cụm công nghiệp theo quy hoạch đã được phê duyệt; điều chỉnh quy hoạch, bổ sung kế hoạch phát triển các cụm công nghiệp đã có đầu tư hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh về ngành nghề tiếp nhận, khả năng tiếp nhận và thời gian tiếp nhận các cơ sở buộc phải di dời nhằm tạo điều kiện cho các cơ sở có nơi hoạt động sản xuất ổn định, lâu dài, đúng pháp luật;

- Chủ trì, phối hợp các đơn vị hạ tầng cụm công nghiệp chuẩn bị quỹ đất, hạ tầng dự kiến bố trí cho các đối tượng di dời; thực hiện hoặc kêu gọi đầu tư dịch vụ xử lý môi trường; hướng dẫn các thủ tục liên quan đến việc tiếp nhận di dời của các cơ sở gây ô nhiễm vào cụm công nghiệp đã có đầu tư hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh;

- Có ý kiến chuyên môn nghiệp vụ theo chức năng nhiệm vụ.

5.7. Sở Kế hoạch và đầu tư:

- Phối hợp với các sở, ngành thẩm định hồ sơ di dời.

- Hướng dẫn các cơ sở tham gia vào Chương trình kích cầu của Thành phố.

- Có ý kiến chuyên môn nghiệp vụ theo chức năng nhiệm vụ.

5.8. Sở Xây dựng:

- Hướng dẫn các đối tượng di dời trong việc lập thủ tục pháp lý về đầu tư xây

dựng cơ sở mới, về hoàn công công trình, giải quyết nhanh các vướng mắc thủ tục pháp lý khi thực hiện xử lý nhà xưởng cũ và xây dựng cơ sở mới;

- Có ý kiến chuyên môn nghiệp vụ theo chức năng nhiệm vụ.

5.9. Sở Quy hoạch - Kiến trúc:

- Phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân quận, huyện cung cấp thông tin quy hoạch kiến trúc và tham mưu Ban chỉ đạo về chức năng sử dụng đất các khu đất sau khi di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng;

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân quận, huyện về quy hoạch các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng cần xử lý;

- Thẩm định quy hoạch các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, nghiên cứu lựa chọn hình thức di dời và lập phương án di dời;

- Phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan đề xuất cơ chế, chính sách báo cáo Ban chỉ đạo di dời về kế hoạch, thời hạn di dời;

- Có ý kiến chuyên môn nghiệp vụ theo chức năng nhiệm vụ.

5.10. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Hướng dẫn các cơ sở di dời trong việc thực hiện các chế độ, chính sách hỗ trợ đối với người lao động;

- Có ý kiến chuyên môn nghiệp vụ theo chức năng nhiệm vụ.

5.11. Sở Y tế:

Phối hợp với các sở, ban, ngành và có ý kiến chuyên môn nghiệp vụ theo chức năng nhiệm vụ.

5.12. Sở Nội vụ:

Cải cách hành chính, kiện toàn tổ chức bộ máy và phát triển nguồn nhân lực, lĩnh vực môi trường tạo lực lượng mạnh để triển khai hiệu quả Kế hoạch.

5.13. Thanh tra Thành phố:

Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình thực hiện Kế hoạch.

5.14. Cơ sở di dời:

- Chủ động lập kế hoạch, khắc phục, đề xuất phương án di dời;

- Chấp hành quyết định di dời, phối hợp với cơ quan chức năng trong công tác triển khai di dời.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Thủ trưởng các Sở - ngành có liên quan chịu trách nhiệm triển khai các nhiệm vụ có liên quan được quy định tại phần IV, V và các phụ lục đính kèm Kế hoạch này; khẩn trương dự trù kinh phí thực hiện các chương trình cụ thể đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, thông qua.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận/huyện, chủ cơ sở có trách nhiệm phối hợp với các Sở ngành triển khai thực hiện đầy đủ và đạt hiệu quả và mục tiêu của kế hoạch đề ra.

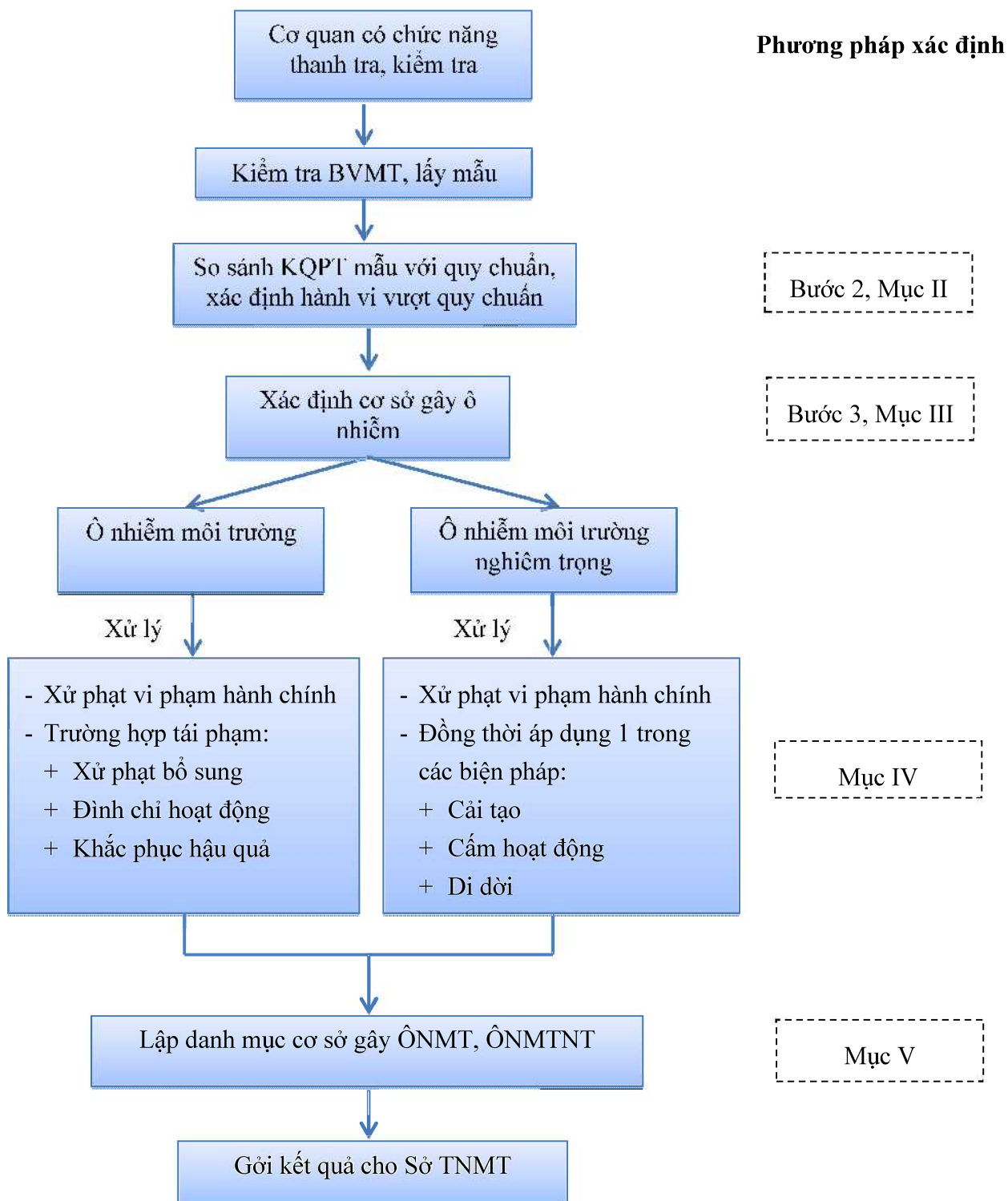
3. Giao Thường trực Ban chỉ đạo chịu trách nhiệm làm đầu mối điều phối hoạt động chung của kế hoạch, theo dõi tiến độ, phát hiện khó khăn, vướng mắc, tổng hợp, đề xuất trình Ủy ban nhân dân thành phố kịp thời xem xét, giải quyết; tổng hợp báo cáo kết quả hàng năm, báo cáo tổng kết giai đoạn trình Ủy ban nhân dân Thành phố và Ban Kinh tế Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Tất Thành Cang

Phụ lục 1

Quy trình xác định cơ sở gây ô nhiễm môi trường, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng



Phụ lục 2.1

Mẫu tổng hợp danh mục cơ sở gây ô nhiễm môi trường

DANH SÁCH VÀ BIỆN PHÁP XỬ LÝ CƠ SỞ GÂY Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề	Cơ quan chủ quản	Đề xuất biện pháp xử lý	Thời gian hoàn thành	Lý do đưa vào danh sách

Phụ lục 2.2

Mẫu tổng hợp danh mục cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng

DANH SÁCH VÀ BIỆN PHÁP XỬ LÝ CƠ SỞ GÂY Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG NGHIÊM TRỌNG

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề	Cơ quan chủ quản	Đề xuất biện pháp xử lý			Thời gian hoàn thành	Lý do đưa vào danh sách
					1	2	3		

Ghi chú:

1. Cải tạo, nâng cấp hoặc xây dựng mới hệ thống xử lý chất thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;
2. Cấm hoạt động;
3. Di dời đến vị trí phù hợp với quy hoạch và sức chịu tải của môi trường.

Phụ lục 3

Mẫu phiếu khảo sát thông tin doanh nghiệp thực hiện di dời

ỦY BAN NHÂN DÂN

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BAN CHỈ ĐẠO XỬ LÝ CƠ SỞ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**GÂY Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG, KHÔNG PHÙ HỢP
QUY HOẠCH VÀ CÓ NGUY CƠ CHÁY, NỔ****XEN CÀI TRONG KHU DÂN CƯ****PHIẾU KHẢO SÁT THÔNG TIN CƠ SỞ GÂY Ô NHIỄM
MÔI TRƯỜNG NGHIÊM TRỌNG PHẢI THỰC HIỆN DI DỜI****I. Phần Doanh nghiệp:****1. Thông tin doanh nghiệp:**

1.1. Tên doanh nghiệp (Tên Công ty ghi đầy đủ bằng tiếng Việt)/cơ sở sản xuất:

.....

1.2. Loại hình DN:.....Phần trăm vốn nhà nước:.....

1.3. Người đại diện theo pháp luật/Chủ doanh nghiệp (nếu là DNTN, hộ kinh doanh):

- Họ và tên:

- Số điện thoại liên hệ:.....

- Địa chỉ thường trú:

- Chỗ ở hiện nay:

- Thư điện tử:

1.4. Địa chỉ trụ sở/xưởng sản xuất:

- Số điện thoại:.....Số fax:.....

1.5. Cơ quan chủ quản (nếu có):

- Địa chỉ:

- Số điện thoại:

1.6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: sốNgày
.....tháng.....năm.....của.....

1.7. Ngành nghề hoạt động:

1.8. Vốn điều lệ/Vốn đầu tư: đồng.

1.10. Máy móc, thiết bị: (Đính kèm phụ lục kê khai máy móc thiết bị).

1.11. Công nghệ sản xuất:

.....

.....

.....

.....

2. Cơ cấu, tổ chức biên chế tại vị trí cũ:

2.1. Số lượng các phòng, ban chức năng:.....

2.2. Số lao động:.....

Trong đó:

+ Số lao động trong biên chế:.....

+ Số lao động hợp đồng:.....

+ Tổng số lao động đóng BHXH:.....

+ Độ tuổi lao động:.....

3. Hiện trạng sử dụng đất:

1.8. Đất sản xuất (tổng diện tích đất, diện tích đất sản xuất, hồ sơ pháp lý liên quan như hợp đồng thuê, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, sổ tờ, sổ thửa, thông tin quy hoạch):

.....

.....

1.9. Nhà xưởng (diện tích, hồ sơ pháp lý liên quan):.....

Chỉ tiêu	Diện tích (m ²)	Sử dụng từ năm
Sử dụng làm trụ sở làm việc		
Sử dụng làm công trình sự nghiệp		
Sử dụng làm cơ sở SX-KD-DV		
Cho mượn		
Cho thuê		
Đã bố trí làm nhà ở, đất ở		
Đang bị lấn chiếm		
Sử dụng vào mục đích khác		
Chưa sử dụng		

4. Hiện trạng sử dụng nhà, tài sản gắn liền với đất:

T T	NGÔI NHÀ	SỐ TẦNG	DT XD (m ²)	TỔNG DT SÀN XD (m ²)	CHIA RA (m ²)						
					TSLV	Công trình SN	SX, KD, DV	Cho thuê	Nhà ở	Sử dụng khác	Chưa sử dụng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Ngôi										
...											
Cộng											

5. Hình thức quản lý, sử dụng đất:

- Diện tích đất được giao không thu tiền sử dụng đất:m²;
- Diện tích đất được giao có thu tiền sử dụng đất nhưng được miễn tiền sử dụng đất hoặc tiền sử dụng đất đã nộp có nguồn gốc ngân sách nhà nước:
.....m²;
- Diện tích đất được Nhà nước cho thuê:.....m²;
- Diện tích đất nhận chuyển nhượng quyền sử dụng và tiền đã trả có nguồn gốc ngân sách nhà nước:m²;
- Diện tích đất quản lý, sử dụng theo hình thức khác:.....m².

6. Hình thức quản lý, sử dụng nhà, tài sản gắn liền với đất:

- Diện tích nhà được Nhà nước giao:.....m²;
- Diện tích nhà do đơn vị đầu tư, xây dựng bằng nguồn vốn có nguồn gốc NSNN:.....m²;
- Diện tích nhà được tạo lập bằng hình thức khác:.....m².

7. Hồ sơ, giấy tờ về nhà, đất:

- Được giao, được bố trí, được cấp theo văn bản số:... ngày.....
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số:..... ngày.....
- Hợp đồng thuê đất số:..... ngày.....
- Các hồ sơ, giấy tờ khác có liên quan

8. Nghĩa vụ tài chính đối với khuôn viên đất đã thực hiện:

9. Nguyên giá nhà, tài sản gắn liền với đất theo sổ sách kế toán:

+ Ngôi 1: đồng;

+ Ngôi 2: đồng;

.....
10. Đề xuất phương án xử lý:

a) Tiếp tục sử dụng:

- Đất:

- Tài sản gắn liền với đất:

b) Bán, chuyển nhượng:

- Đất:

- Tài sản gắn liền với đất:

c) Chuyển mục đích sử dụng đất:

- Đất:

- Tài sản gắn liền với đất:

d) Diện tích nhà, đất đang bố trí làm nhà ở đề nghị được di chuyển đi nơi khác:

- Đất:

- Tài sản gắn liền với đất:

đ) Đề nghị Nhà nước thu hồi:

- Đất:

- Tài sản gắn liền với đất:

e) Các đề nghị khác (nếu có):

11. Tình hình quản lý môi trường:

11.1. Nước thải:

- Lưu lượng nước thải: (m³/ngày đêm)

- Nguồn tiếp nhận:

- Hệ thống xử lý nước thải: không có công suất(m³/ngày đêm):

- Chất lượng nước thải: đạt quy chuẩn không đạt quy chuẩn

(cung cấp kết quả đo đạc gần nhất)

11.2. Khí thải:

- Nguồn phát sinh:

- Số lượng nguồn thải:

- Nhiên liệu đốt:

- Hệ thống xử lý khí thải: có không

- Chất lượng khí thải: đạt quy chuẩn không đạt quy chuẩn

(cung cấp kết quả đo đạc gần nhất)

11.3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Phân loại: có không

- Hợp đồng thu gom, vận chuyển với đơn vị có chức năng:

+ Chất thải rắn thông thường: có không

+ Chất thải nguy hại: có không

11.4. Tiếng ồn:

- Nguồn phát sinh :

- Biện pháp xử lý tiếng ồn: có không

11.5. Vấn đề môi trường khác:

.....

12. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

12.1. Doanh thu:

- Năm 2013: đồng.

- Năm 2014: đồng.

- Năm 2015 (ước đạt): đồng.

12.2. Nguyên liệu đầu vào:

12.3. Hình thức sản xuất

- Tự sản xuất:

- Gia công: cho DN nội địa cho DN nước ngoài

12.4. Sản phẩm đầu ra:

12.5. Công suất:

12.6. Thị trường tiêu thụ:

II. Phương án di dời:**1. Địa điểm di dời:**

1.1 Doanh nghiệp sẽ di dời vào khu công nghiệp/cụm công nghiệp:

.....

1.2 Diện tích dự kiến sử dụng:

- Đất (thuê đất tự xây dựng):m².

- Nhà xưởng (thuê nhà xưởng có sẵn) :m².

1.3 Thời gian dự kiến di dời, lộ trình thực hiện:

.....

.....

2. Vốn đầu tư thực hiện di dời:

2.1. Quy mô công suất dự kiến:

2.2. Vốn dự kiến đầu tư:đồng.

2.3. Vốn đã có của DN:đồng.

2.4. Vốn dự kiến vay:đồng.

3. Các chính sách Doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ khi di dời:

3.1 Về Tài chính, vốn đầu tư:

- Quỹ hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa

3.2 Về đổi mới công nghệ sản xuất:

- Quỹ đổi mới công nghệ

3.3 Về đất đai, nhà xưởng, hạ tầng kỹ thuật tại nơi di dời đến:

- Giá thuê đất

- Xây dựng sẵn các nhà xưởng cho thuê

- Hệ thống xử lý nước thải , khí thải

- Hỗ trợ của chủ đầu tư hạ tầng

3.4 Về các biện pháp bảo vệ môi trường, đầu tư hệ thống xử lý nước thải và khí thải:

- Dự án đầu tư thuộc chương trình kích cầu của thành phố (Quyết định số 33/2011/QĐ-UBND ngày 28/5/2011 và Quyết định số 38/2013/QĐ-UBND ngày 23/9/2013)

- Quỹ bảo vệ môi trường

3.5 Về các chính sách hỗ trợ khác:

.....
.....

III. Ý kiến của Doanh nghiệp

1. Những thuận lợi:

.....
.....
.....

2. Những khó khăn, vướng mắc:.....

.....
.....
.....

3. Kiến nghị:.....

.....
.....
.....
.....
.....

IV. Ý kiến của địa phương:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

Chủ doanh nghiệp

(ký tên, ghi rõ họ tên)

Đoàn khảo sát

PHỤ LỤC
KÊ KHAI MÁY MÓC, THIẾT BỊ

(Của Doanh nghiệp:.....)

STT	TÊN MÁY MÓC THIẾT BỊ	QUỐC GIA SẢN XUẤT, NĂM XUẤT XƯƠNG	GIÁ TRỊ DỰ KIẾN
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
14			
15			
16			
17			
18			
19			

Phụ lục 4**Mẫu phương án di dời đối với doanh nghiệp thực hiện di dời**

- I. Giới thiệu sơ lược về Công ty:
- II. Hiện trạng đất đai:
- III. Hiện trạng tài sản gắn liền với đất:
- IV. Cơ cấu tổ chức nhân sự:
- V. Phương án xử lý tại vị trí cũ:
 1. Hình thức xử lý đất:
 2. Hình thức xử lý tài sản gắn liền với đất:
 3. Hình thức xử lý đối với máy móc, thiết bị sản xuất:
 4. Thời gian ngừng sản xuất, kinh doanh:
 5. Số lượng lao động ngừng, nghỉ việc:
- VI. Phương án di dời đến vị trí mới:
 1. Địa điểm và quy mô dự án:
 2. Tiến độ thực hiện dự án:
 3. Phương án tài chính để thực hiện di dời:
- VII. Kết luận và Kiến nghị:

